TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày: 14 -8 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phùng Quốc Quân
2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H sinh năm 1960 và ông Hà Đức L sinh năm 1964. Địa chỉ: Bản CL, xã YS, huyện YC, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Trọng H sinh năm 1976 và chị Lê Thị T sinh năm 1987. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Anh H có mặt. Chị T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2019 và bản tự khai ngày 08/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – bà Vũ Thị H và ông Hà Đức L trình bày như sau:

Gia đình ông bà có chăn nuôi lợn thịt. Ngày 05/9/2016, chị Lê Thị T và chồng là anh Trần Trọng H cư trú tại tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La có vào nhà ông bà xem lợn và cùng nhau thỏa thuận giá cả. Đến ngày 06/9/2016, vợ chồng chị T cho xe vào cân lợn của ông bà tổng số là 1.332kg với

giá là 47.000đ/1kg thành tổng số tiền là 62.604.000đ và bắt lợn. Chị T không đi cùng và có nhờ anh rể tên là Ng đi bắt lợn hộ. Chị T có điện cho ông bà xin khất nợ lại tiền một tuần. Ông bà nhất trí và sau một tuần ông bà ra đòi chị T lại xin khất. Sau đó, ông bà có đến nhà tìm gặp đòi tiền nhưng không chị T đều tránh mặt. Đến năm 2018, chị T có trả cho vợ chồng ông bà lần đầu số tiền 5.000.000đ và lần thứ hai trả 4.000.000đ, tổng cộng là 9.000.000đ và còn nợ lại 53.604.000đ. Cho đến nay, vợ chồng ông bà vẫn ra đòi nhưng vợ chồng chị T tránh mặt không trả.

Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn giải quyết theo hướng buộc gia đình anh Trần Trọng H và chị Lê Thị T phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền còn nợ lại là 53.604.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/4/2019, bị đơn anh Trần Trọng H trình bày như sau:

Anh xác nhận anh và vợ là Lê Thị T có giao dịch mua bán lợn của ông Hà Đức L và bà Vũ Thị H. Việc mua bán lợn do vợ anh là chị T trực tiếp thực hiện. Khi đó anh không có nhà nên không biết cụ thể việc mua bán. Tuy nhiên, do gia đình anh bị người khác lừa mất một số tiền nên gia đình anh chưa có thể thanh toán ngay và đủ số tiền cho bà H và ông L. Vợ chồng anh đã nhiều lần xin khất ông bà cho vợ chồng anh trả dần nhưng hiện chưa thanh toán đủ số tiền và còn nợ lại một số tiền như ông L bà H khởi kiện. Anh H cũng xác nhận có viết giấy khất nợ với ông L, bà H số tiền là 62.000.000đ từ năm 2017. Sau thời điểm đó, vợ chồng anh đã thanh toán thêm được số tiền khoảng 17.000.000đ, chia thành 4 lần nhưng không nhớ cụ thể các lần. Mỗi lần thanh toán tiền, vợ chồng anh chị đều đưa tiền mặt cho ông bà L, H nhưng không lập thành văn bản, ông bà L, H có ghi vào một quyền sổ và anh chị có ký vào quyển sổ đó. Về yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông bà L, H thì anh có ý kiến sẽ có trách nhiệm thu xếp để trả cho ông bà L, H. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa thu xếp được một số tiền lớn để trả một lần cho ông bà H, L nên xin khất để trả dần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các đương sự đến tòa án để tiến hành hòa giải nhưng chị T, anh H không có mặt. Vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều: 428, 432, 438, 305 Bộ luật dân sự 2005; khoản 4 Điều 466, Điều 468, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quyết định theo hướng: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H và ông Hà Đức L.

Buộc chị Lê Thị Th và anh Trần Trọng H phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị H và ông Hà Đức L số tiền 53.604.0000 đồng theo hợp đồng mua bán lợn được giao kết bằng lời nói lập ngày 05/9/2016 và tiền lãi chậm trả từ ngày 21/11/2017 tính đến thời điểm xét xử là 10.160.000 đồng. Tổng cộng là 63.764.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H và ông Hà Đức L yêu cầu chị Lê Thị T và anh Trần Trọng H (cùng cư trú tại tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La) trả số tiền 53.604.000đ phát sinh từ việc mua bán lợn. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là chị Lê Thị T và anh Trần Trọng H. Tuy nhiên, anh H và chị T vắng mặt không có lý do nên tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Chị T vắng mặt hai lần liên tiếp mà không có lý do, Bà H vắng mặt tai phiên tòa có ủy quyền cho ông L trình bày toàn bộ ý kiến tại phiên tòa nên căn cứ Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hợp đồng mua bán lợn giữa vợ chồng bà Vũ Thị Thị H, ông Hà Đức L và vợ chồng chị Lê Thị T, anh Trần Trọng H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào lời khai thống nhất của bên nguyên đơn và bị đơn xác định: Ngày 05/9/2016, chị T có giao kết hợp đồng bằng lời nói với bà H, ông L với nội dung: Ông L, bà H bán cho chị T và anh H đàn lợn thịt mà gia đình ông L, bà H đang nuôi. Giá thỏa thuận là 47.000đ/1kg.

Đến ngày 06/9/2016 thì hợp đồng được thực hiện, theo đó bên ông L, bà H đã giao cho chị T, anh H 1.332kg lợn thông qua người nhận là Ng, anh rể chị T. Nội dung các giấy nợ tiền ngày 23/10/2016, ngày 11/3/2017, biên bản nợ tiền ngày 15/11/2017 đã thể hiện rất rõ nội dung này. Tại phiên tòa, anh H xác nhận nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán giữa các bên được xác định là số tiền được ghi trong biên bản nợ tiền ngày 15/11/2017. Theo đó anh H, chị T phải có trách nhiệm trả tiền cho ông L, bà H số tiền là 62.604.000đ.

Tuy nhiên, sau khi nhận hàng (lợn), thì chị T, anh H chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông L, bà H. Ông L, bà H chỉ xác định chị T và anh H trả được 2 lần, tổng số tiền là 9.000.000đ (trong đó lần một trả 5.000.000đ vào ngày 12/10/2018, lần thứ hai trả 4.000.000đ vào ngày 15/12/2018), ngoài ra chưa trả thêm được khoản tiền nào khác. Mặc dù tại tiên bản lấy lời khai ngày 10/4/2019, anh H cho rằng đã trả được cho bà H, ông L số tiền 17.000.000đ nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Đồng thời tại phiên tòa anh H đã xác nhận lại nội dung mới trả được cho ông bà H, L số tiền 9.000.000đ như ông L trình bày.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng ông L, bà H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng. Tuy nhiên chị T và anh H chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng cho ông L, bà H. Căn cứ quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự 2005, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông L, bà H. Buộc vợ chồng anh H, chị T phải có trách nhiệm trả cho ông L, bà H số tiền còn thiếu theo hợp đồng là 53.604.000đ.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi suất chậm trả: Theo quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự 2005 thì thời hạn trả tiền do các bên thỏa thuận. Tại biên bản nợ tiền ngày 15/11/2017 xác định các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán số tiền trên là ngày 20/11/2017. Do vậy, việc tính lãi quá hạn được tính bắt đầu kể từ ngày 21/11/2017 đến thời điểm xét xử. Căn cứ tính lãi được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Theo đó lãi suất quá hạn được tính bằng 10%/1năm. Cụ thể khoản tiền lãi suất chậm trả được tính như sau:

Từ ngày 21/11/2017 đến ngày 12/10/2018 là: 62.604.000đ x 0,83%/1 tháng x 10 tháng + 62.604.000 x 0,03%/1 ngày x 21 ngày = 5.590.000 đồng;

Từ ngày 13/10/2018 đến ngày 15/12/2018 là: 57.604.000đ x 0,83%/1tháng x 2 tháng + 57.604.000 x 0,03%/1 ngày x 2 ngày = 990.000 đồng;

Từ ngày 16/12/2018 đến ngày xét xử (ngày 14/8/2019): 53.604.000đ x 0,83%/1tháng x 7 tháng + 53.604.000 x 0,03%/1 ngày x 29 ngày = 3.580.000 đồng

Tổng số tiền lãi chậm trả tính từ thời điểm chậm trả đến ngày xét xử là: 10.160.000 đồng

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu câu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận nên bị đơn chị Lê Thị T và anh Trần Trọng H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 428, 432, 438, 305 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 357, khoản 4 Điều 466, Điều 468, 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H và ông Hà Đức L.

Buộc chị Lê Thị T và anh Trần Trọng H phải có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị H và ông Hà Đức L số tiền 53.604.0000 đồng theo hợp đồng mua bán lợn được giao kết bằng lời nói lập ngày 04/9/2016 và tiền lãi chậm trả từ ngày 21/11/2017 tính đến thời điểm xét xử là: 10.160.000 đồng. Tổng cộng là 63.764.000 (sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/1năm).

Về án phí: Chị Lê Thị T, anh Trần Trọng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.188.000 (ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn) đồng.

Bà Vũ Thị H và ông Hà Đức L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.325.000(một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục thi

hành án dân sự huyện Mai Sơn theo biên lai số AA/2016/0002139 ngày 08/4/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn – chị Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Nga